

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 71/2024/DS-ST
Ngày: 15-7-2024
V/V “tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Thuận.

Ông Võ Văn Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 94/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H- Chủ hộ kinh doanh. Địa chỉ: ấp 6, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Trần Ngọc P. Địa chỉ: ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11-3-2024, tại biên bản không hòa giải được ngày 15-7-2024 bà Nguyễn Thị Thu H là nguyên đơn trình bày: Từ ngày 29/6/2021 đến ngày 12/7/2021, của hàng vật liệu xây dựng của bà có bán cho ông Trần Ngọc P vật liệu xây dựng với tổng số tiền là 29.888.000 đồng. Hai bên có thỏa thuận việc mua bán thanh toán tiền liền. Qua nhiều đợt mua bán và tính đến ngày 23/9/2023 thì ông P có trả tiền cho bà nhiều lần nhưng còn nợ lại bà tiền vốn mua bán là 13.000.000 đồng. Ngày 03/6/2024, ông P có trả cho bà 1.000.000 đồng và ngày 12/6/2024, ông P có trả cho bà 1.000.000 đồng nên số tiền còn nợ lại 11.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu ông P phải trả cho bà 11.000.000 đồng vốn mua bán, không yêu cầu tính lãi chậm, yêu cầu trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Trần Ngọc P là bị đơn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ của vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại tòa phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Thu H- Chủ hộ kinh doanh (bà H) khởi kiện ông Trần Ngọc P về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” được quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông P vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy bà H yêu cầu ông P phải trả cho bà H tiền vốn mua bán còn lại là 11.000.000 đồng, yêu cầu trả 01 lần, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại biên bản không hòa giải được ngày 15/7/2024 bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu đối với ông P. Xét thấy bà H đã bán vật liệu xây dựng cho ông P, ông P còn nợ bà H tổng cộng tiền vốn mua bán còn lại là 11.000.000 đồng nhưng ông P vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ ông P đã từ bỏ quyền chứng minh của mình và đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H buộc ông P phải trả cho bà P vốn mua bán còn lại là 11.000.000 đồng là phù hợp cần chấp nhận theo quy định tại các điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015 khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí:

Bà H không phải chịu án phí.

Ông P phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H- Chủ hộ kinh doanh về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” đối với ông Trần Ngọc

P.

Buộc ông P phải trả cho bà H- Chủ hộ kinh doanh (bà H) tiền vốn mua bán còn lại là 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Bà H không phải chịu án phí, bà H được nhận lại số tiền là 325.000 đồng (ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án đã nộp theo biên lai thu số 0008721 ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự
- Lưu (hồ sơ, án văn)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Bảo Trí